

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

Bản án số: 07/2025/HS-ST
Ngày 24-01-2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nông Dương Minh

Ông Phạm Tuấn Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Cao Cường, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khanh, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 83/2024/TLST-HS ngày 17 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/HSST-QĐ ngày 20-12-2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/HSST-QĐ ngày 17-01-2025 đối với bị cáo:

- Các bị cáo:

1. Vi Thị P, sinh ngày 05-4-1985 tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Nơi đăng ký thường trú: Số 4x/1xx, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký thường trú hiện nay: Đường T, khối T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Nghề nghiệp: Nguyên là Cán bộ Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố L; hiện nay đang công tác tại Hạt kiểm lâm huyện C, tỉnh Lạng Sơn; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 29-10-2024 đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vi Văn B và bà Vũ Thị T; có chồng thứ nhất Nguyễn Thế C (đã ly hôn năm 2017); ngày 08-8-2023 đăng ký kết hôn với Lê Văn C (đã ly hôn ngày 14-11-2024); con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2024, hiện đang ở với bị cáo. Tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại; có mặt.

2. Ngô Như L, sinh ngày 08-4-1978 tại huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số 2x, ngõ 9x, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nguyên là Cán bộ Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố L; hiện nay là nhân viên hợp đồng Trung tâm Kiểm định chất lượng

công trình xây dựng L. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 30-10-2024 đã bị khai trừ ra khỏi Đảng. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Ngô Văn P (đã chết) và bà Nông Thị H; có vợ là Vũ Kim C và có 02 con, con lớn sinh năm 2003, con nhỏ sinh năm 2007. Tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại; có mặt.

3. Trần Đức L, sinh ngày 23-8-1981 tại tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Cán bộ phòng T thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 30-10-2024 đã bị khai trừ ra khỏi Đảng. Trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông Trần Đức L và bà Đào Thị A; có vợ Nông Thị Thanh H và có 01 con sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; ngày 21-01-2025 đến nay bị cáo bị bắt tạm giam để đảm bảo công tác xét xử; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức L:

1. Ông Phạm Xuân N, Luật sư Công ty Luật TNHH M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt;

2. Ông Nguyễn Thế T, Luật sư Công ty Luật TNHH M, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt;

3. Bà Nguyễn Thị Trung V, Luật sư Văn phòng Luật sư T, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn; có đơn từ chối tham gia tố tụng do thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Bùi Văn C, sinh năm 1970; nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố L. Nơi cư trú: Số 2xx, đường L, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969; nguyên Trưởng ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố L. Nơi cư trú: Số 2x, đường T, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

3. Ông Nguyễn Bá K, sinh năm 1968; nguyên Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L. Nơi cư trú: Số 1x, đường M, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

4. Bà Dương Thị Thu T, sinh năm 1984; nguyên chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố L. Nơi cư trú: Ngõ 1xx, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

5. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1979; nguyên cán bộ Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố L. Nơi cư trú: Số 4x, đường K, phường H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình quyết vụ án.

6. Ông Bành Hiến D, sinh năm 1987; nguyên cán bộ ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố Lạng Sơn. Nơi cư trú: Số 2x, ngõ 10x, đường T, khối T, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong toàn bộ quá trình quyết vụ án.

7. Ông Hoàng Trung T, sinh năm 1974; nguyên cán bộ Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố L. Nơi cư trú: Số 3x, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

8. Ông Nông Duy P, sinh năm 1988; nguyên cán bộ ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố L. Nơi cư trú: Số 5x, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1982; nguyên cán bộ Phòng Quản lý Đô thị thành phố L. Nơi cư trú: Phòng 2xx, khối 8, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

10. Ông Nông Văn V, sinh năm 1957. Nơi cư trú: Lô 1x, khu đô thị N, xã H, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

11. Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Đường T, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn xin phép vắng mặt.

12. Ông Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1961; nguyên Giám đốc Công ty Công ty cổ phần vận tải ô tô 2 L. Nơi cư trú: Số 4x, ngõ 7x, đường H, phường P, quận B, Thành phố Hà Nội (hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 01, Công an Thành phố Hà Nội từ ngày 11-11-2024 đến nay); vắng mặt, bà Hoàng Thanh H cho biết ông Nguyễn Tuấn A đang bị tạm giam trong vụ án khác.

13. Bà Hoàng Thu H, sinh năm 1980; nguyên Kế toán trưởng, Công ty cổ phần vận tải ô tô 2 L. Nơi cư trú: Số 6x, đường B, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

14. Người đại diện hợp pháp của Công ty cổ phần vận tải ô tô 2 L (Công ty 2): Bà Hoàng Thanh H, sinh năm 1971; Tổng giám đốc Công ty 2. Nơi cư trú: Số 3x, ngõ 4xx, đường N, phường B, quận L, Thành phố Hà Nội; địa chỉ hiện tại: Phòng 3xx, tòa nhà 3xx, đường H, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội; có mặt.

15. Đại diện Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn: Bà Nguyễn Thị Hồng H, chuyên viên Phòng quản lý Ngân sách (đại diện theo Văn bản ủy quyền số 4548/STC-QLNS&TCND ngày 31-12-2024); có văn bản không tham gia tố tụng, đề nghị xét xử vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

16. Đại diện Chi cục Kiểm định Hải quan 6, Tổng cục Hải quan. Địa chỉ: Số 7x, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong các phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13-12-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra Quyết định khởi tố vụ án Hình sự, Quyết định khởi tố bị can đối với Nguyễn Tuấn A, nguyên Giám đốc Công ty Cổ phần vận tải ô tô số 2 L về tội Tham ô tài sản.

Ngày 30-12-2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án Hình sự về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ và Quyết định tách vụ án để điều tra về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ.

Ngày 28-12-2020, Cơ quan điều tra ra Quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án hình sự về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng; Quyết định khởi tố vụ án hình sự tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản; Quyết định nhập vụ án hình sự về tội Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng với vụ án Lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản.

Đối với Nguyễn Tuấn A và đồng phạm đã bị xét xử về tội Tham ô tài sản, theo Bản án sơ thẩm số 26/2020/HS-ST ngày 06-7-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn và Bản án phúc thẩm số 443/2022/HS-PT ngày 22-6-2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; xử phạt Nguyễn Tuấn A 06 (sáu) năm tù về tội Tham ô tài sản.

Ngày 29-12-2021, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao ra Quyết định số 05/QĐ-VKSTC-P5 về việc chuyển vụ án hình sự để điều tra theo thẩm quyền;

Ngày 21-9-2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự từ vụ án Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ, Lợi dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản, Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng thành vụ án Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, xảy ra tại Công ty 2 và các đơn vị có liên quan.

Kết quả điều tra xác định:

1. Đối với Dự án mở rộng khuôn viên trụ sở Cục Hải quan Lạng Sơn (Dự án 52 đường L)

Năm 2011, Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn có nhu cầu lấy 3.000 m² đất tại số 52, đường L, phường Vĩnh T, thành phố L của Công ty 2 để mở rộng diện tích trụ sở làm việc. Được sự đồng ý về chủ trương của Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan Lạng Sơn đã làm việc và Công ty 2 nhất trí giao đất để nhận tiền đền bù, hỗ trợ.

Ngày 28-9-2011, Cục Hải quan Lạng Sơn đã báo cáo và được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Lạng Sơn đồng ý về chủ trương mở rộng diện tích khuôn viên trụ sở, giao Cục Hải Quan và các đơn vị liên quan thực hiện. Về phía Công

ty 2 đã họp Hội đồng quản trị và thống nhất giao cho Nguyễn Tuấn A, đại diện cho Công ty 2 làm việc với các đơn vị liên quan.

Ngày 18-11-2011, UBND thành phố L ban hành Thông báo số 188/TB-UBND về việc thu hồi đất tại số 52 đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn để thực hiện mở rộng diện tích khuôn viên dự án trụ sở làm việc Cục Hải quan tỉnh Lạng Sơn.

Ngày 22-11-2011, Chủ tịch UBND thành phố L ký Quyết định số 3473/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án 52 L (*Hội đồng bồi thường*), gồm: Ông Bùi Văn C, Phó Chủ tịch UBND thành phố L là Chủ tịch Hội đồng bồi thường; ông Nguyễn Văn H, Trưởng Ban Đền bù giải phóng mặt bằng (GPMB) thành phố L là Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường và các ủy viên là ông Nông Văn V, Phó Cục trưởng Cục Hải quan Lạng Sơn; các ông/bà Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố L; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố L; Trưởng phòng Tài nguyên & Môi trường thành phố L; Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố L; Chánh Thanh tra thành phố L; Trưởng Công an thành phố L (được phân công theo quyết định nhưng không tham gia công việc của Hội đồng); Chủ tịch UBND phường V, cùng đại diện các hộ dân bị ảnh hưởng bởi dự án.

Ngày 22-11-2011, ông Bùi Văn C, thay mặt UBND thành phố L ký Quyết định số 3474/QĐ-UBND về việc thành lập 02 Tổ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án, cụ thể: Tổ 1 là tổ Tuyên truyền, vận động do ông/bà Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc phường V làm Tổ trưởng; Tổ 2 là tổ lập hồ sơ bồi thường GPMB (*tổ lập hồ sơ GPMB*) gồm Vi Thị P, là tổ trưởng và các tổ viên là Ngô Như L, Chu Thị Thu L và Khôi trưởng các khối có đất bị ảnh hưởng bởi dự án. Quá trình thực hiện, ông Nguyễn Văn H, với tư cách là Trưởng Ban Đền bù GPMB thành phố L còn phân công Nguyễn Thế C, Bành Hiến D, Hoàng Trung T, Nông Duy P là cán bộ Ban Đền bù GPMB thành phố L giúp hỗ trợ Tổ lập hồ sơ bồi thường GPMB thực hiện kiểm đếm, vẽ sơ họa nhà cửa, vật kiến trúc tại Công ty 2.

Ngày 05-12-2011, Bùi Văn C ký Quyết định số 2569a/QĐ-UBND về việc thành lập Tổ công tác đánh giá phần trăm (%) giá trị còn lại các hạng mục công trình, vật kiến trúc, tài sản của đơn vị bị ảnh hưởng bởi dự án (*Tổ đánh giá % giá trị còn lại*) gồm Vi Thị P là Tổ trưởng và các tổ viên là Ngô Như L, Trần Đức L; Nguyễn Thanh H cán bộ Phòng quản lý đô thị thành phố L; Dương Đức T cán bộ Thanh tra thành phố L; cán bộ Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố L; Nguyễn Tiến B, đại diện Cục Hải quan Lạng Sơn; Chu Thị Thu L, cán bộ địa chính phường V; đại diện Công ty 2 Lạng Sơn, cùng Khôi trưởng các khối có đất bị ảnh hưởng bởi dự án.

Về phía Công ty 2 Lạng Sơn: Đã cung cấp cho Tổ công tác bồi thường GPMB các hồ sơ đề nghị bồi thường, hỗ trợ; trong đó có hồ sơ 05 bộ hợp đồng không gồm:

(1) Hợp đồng số 56/HĐ-KT, ngày 25-4-2011 do Nguyễn Tuấn A ký với Lê Hồng Đ, Giám đốc Công ty TNHH phát triển TM&DV B, nội dung: Thuê tư

vấn cải tạo nội thất, cải tạo hệ thống điện, nước, sơn mới khách sạn 05 tầng và nhà làm việc 3 tầng, tổng giá trị **360.000.000 đồng**.

(2) Hợp đồng số 67/HĐKT/VTSS2-NT, ngày 31-5-2011 do Nguyễn Tuấn A ký với Phạm Ngô H, Giám đốc Công ty TNHH TM&DV N, nội dung: Mua vật tư và tiến hành sơn lại toàn bộ khách sạn 05 tầng và nhà làm việc 03 tầng, tổng giá trị **672.000.000 đồng**.

(3) Hợp đồng số 17/HĐ/2011, ngày 05-6-2011 do Nguyễn Tuấn A ký với Bùi Thị V, Giám đốc Công ty TNHH A, nội dung: Mua thay thế, tu sửa đường điện ngầm khách sạn 05 tầng và nhà làm việc 03 tầng, tổng giá trị **825.000.000 đồng**.

(4) Hợp đồng số 28/HĐ/2011, ngày 05-6-2011 do Nguyễn Tuấn A ký với Bùi Thị V, Giám đốc Công ty TNHH A, nội dung: Mua thay thế, tu sửa đường nước ngầm khách sạn 05 tầng và nhà làm việc 03 tầng, tổng giá trị **750.000.000 đồng**.

(5) Hợp đồng số 110/HĐKT/VTSS2/ANTRICK/2011, ngày 12-6-2011 do Nguyễn Tuấn A ký với Bùi Thị V, Giám đốc Công ty TNHH A, để mua và thuê lắp điều hòa, tủ lạnh, máy bơm nước cho Công ty 2 Lạng Sơn, với các hạng mục gồm 36 bộ điều hòa nhiệt độ 1 chiều mới 100%, nhãn hiệu National 12.000 BTU, Model SAP-KC12AGS lắp đặt tại khách sạn; 25 chiếc tủ lạnh mới 100%, nhãn hiệu Sanyo, Model SR-9KR, kích thước 476x494x795mm lắp tại khách sạn; 07 chiếc máy bơm nước mới 100%, nhãn hiệu Panasonic; 06 bộ thiết bị vệ sinh lắp tại văn phòng; tổng giá trị **581.200.000 đồng**.

Ngày 28-11-2011, Tổ lập hồ sơ GPMB đã tiến hành đo đạc, thống kê, kiểm đếm khối lượng bồi thường, hỗ trợ về đất đai, nhà cửa vật kiến trúc, cây cối hoa màu của Công ty 2 khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án 52 L.

Ngày 12-12-2011, Tổ đánh giá % giá trị còn lại đã căn cứ Quyết định số 32/2008/QĐ-BTC ngày 29-5-2008 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính cùng các hồ sơ liên quan đến các công trình nhà cửa vật kiến trúc do Công ty 2 cung cấp để đánh giá % giá trị còn lại của các hạng mục công trình, vật kiến trúc của Công ty 2 bị ảnh hưởng do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện Dự án 52 L. Theo biên bản lập ngày 12-12-2011, Tổ đánh giá % giá trị còn lại đã thống nhất xác định các tài sản cố định, vật kiến trúc, công trình nhà cửa được mua sắm, cải tạo, sửa chữa năm 2011, tính giá trị % còn lại là 100% (tính nguyên giá).

Trong quá trình thực hiện, Tổ lập hồ sơ GPMB, Tổ công tác đánh giá % giá trị còn lại đối với các hạng mục ngầm như sửa chữa đường điện ngầm, đường nước ngầm chỉ quan sát bằng mắt thường, bật công tắc điện thấy có điện sáng, vặn vòi nước thấy có nước chảy. Do thiếu trách nhiệm trong việc kiểm tra thực tế và tin tưởng vào hồ sơ do Công ty 2 cung cấp nên không phát hiện các hạng mục theo 05 bộ Hợp đồng nói trên là không, nên đã thống nhất xác định % giá trị còn lại đối với hạng mục sửa chữa điện, nước, sơn bả là 100% (tính nguyên giá).

Sau khi đo đạc, kiểm đếm, đánh giá %; Tổ lập hồ sơ GPMB nhất trí đưa **05 bộ** hồ sơ không đề lập phương án bồi thường tổng số tiền **3.139.500.000 đồng**, gồm: (1) Tư vấn thiết kế, sửa chữa nhà văn phòng: 360.000.000 đồng; (2) Sơn nhà khách sạn + văn phòng: 672.000.000 đồng; (3) Sửa chữa đường điện khách sạn + văn phòng: 825.000.000 đồng; (4) Thay thế cải tạo đường nước khách sạn + văn phòng: 750.000.000 đồng; (5) Mua sắm 37 điều hòa, 32 tủ lạnh (theo Hợp đồng không chỉ có 36 bộ điều hòa và 25 chiếc tủ lạnh): 532.500.000 đồng.

Ngoài ra, Công ty 2 còn cung cấp Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và Hợp đồng thuê nhà và sân bãi để Công ty tiếp tục hoạt động, với tổng trị giá là 3.960.000.000 đồng; cung cấp danh sách người lao động nghỉ việc do bị thu hồi đất bởi dự án, đề nghị Hội đồng bồi thường xem xét bồi thường, hỗ trợ người lao động nghỉ việc 06 tháng với tổng số tiền 518.196.000 đồng. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Vi Thị P, Ngô Như L trực tiếp đã lập, tổng hợp phương án đề nghị trình cấp có thẩm quyền phê duyệt số tiền là 4.478.196.000 đồng.

Do có khó khăn, vướng mắc về công tác hỗ trợ, bồi thường đối với một số tài sản, vật kiến trúc không có trong danh sách được bồi thường theo Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 08-12-2009 và Quyết định số 09/2010/QĐ-UBND ngày 12-10-2010 của UBND tỉnh về việc xây dựng và đính chính, sửa đổi bổ sung quy định về cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ kết quả kiểm đếm và dự thảo phương án bồi thường do Tổ công tác lập; ngày 26-12-2011, ông Bùi Văn C đã ký Báo cáo số 334/BC-UBND về việc xin ý kiến UBND tỉnh về phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB tại Dự án 52 L theo hướng cho phép bồi thường toàn bộ 05 bộ hợp đồng nêu trên theo nguyên giá, hỗ trợ Công ty 2 thuê văn phòng làm việc trong 03 năm là 1.800.000.000 đồng, thuê Trung tâm Sát hạch xe mô tô Hạng A1 và kho bãi là 2.160.000.000 đồng.

Ngày 28-12-2011, lãnh đạo UBND tỉnh Lạng Sơn chủ trì cuộc họp với đại diện lãnh đạo các ngành gồm Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, UBND thành phố L, Cục Hải quan Lạng Sơn và Công ty 2 để giải quyết vướng mắc trong việc thu hồi đất GPMB để dự án trên. Tại cuộc họp, Hội đồng bồi thường đưa ra ý kiến về việc Cục Hải quan Lạng Sơn xin nhận lại các trang thiết bị, đồ dùng của Công ty 2 để sử dụng. Tại Biên bản thỏa thuận ngày 28-12-2011 giữa Cục Hải quan Lạng Sơn và Công ty 2 có nội dung: Cục Hải quan nhất trí tiếp nhận trang thiết bị bên trong khách sạn và nhà làm việc bao gồm giường, tủ, chăn, ga, gối, điều hòa, tủ lạnh... theo Bảng kê đã được Ban đền bù GPMB lập; trị giá số tài sản, trang thiết bị sẽ được Ban đền bù GPMB tính toán, thẩm định phê duyệt.

Ngày 29-12-2011, Văn phòng UBND tỉnh ban hành Thông báo 198/TB-UBND, thông báo Kết luận của Phó chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp giải quyết vướng mắc trong việc thu hồi đất để thực hiện Dự án 52 L, nội dung thông báo: UBND tỉnh đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB giai đoạn 1 do UBND thành phố xây dựng theo các quy định hiện hành, đồng thời có bổ sung

thêm phần hỗ trợ khác như đề xuất, lưu ý giảm phần chi phí đã bị tính trùng giữa hai khoản bồi thường cho người lao động ngừng việc và thuê Trung tâm Sát hạch xe mô tô Hạng A1. UBND thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan chức năng khẩn trương hoàn thiện phương án, thẩm định, phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định để kịp thời giải ngân trong tháng 12-2011.

Trên cơ sở đó, ngày 29-12-2011 ông Bùi Văn C ý chủ trì họp Hội đồng bồi thường để thông qua phương án bồi thường, hỗ trợ Công ty 2. Ngày 04-01-2012, ông Bùi Văn C ký Tờ trình số 01/TTr-HĐBT đề nghị Phòng tài nguyên và Môi trường thành phố L thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB. Tổng giá trị đề nghị bồi thường, hỗ trợ là 23.695.783.500 đồng, trong đó có **05** bộ hợp đồng không với tổng số tiền là **3.139.500.000** đồng.

Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định, ông Nguyễn Bá K giao bà Dương Thị Thu T trực tiếp thẩm định. Quá trình thẩm định, ông Nguyễn Bá K và bà Dương Thị Thu T không kiểm tra thực tế các hạng mục bồi thường, không nghiên cứu kỹ hồ sơ bồi thường nên không biết số điều hòa, tủ lạnh đã được Ban đền bù GPMB lập phương án bồi thường. Ngày 16-01-2012, các ông bà Nguyễn Bá K, Nguyễn Văn H, Ngô Như L, Dương Thị Thu T hội ý và thống nhất kết quả thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB và điều chỉnh tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ là 23.760.013.600 đồng.

Ngày 16-01-2012, ông Nguyễn Bá K ký Tờ trình số 35/TTr-TNMT đề nghị UBND thành phố L xem xét, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB số tiền là 23.760.013.600 đồng. Sau đó, ông Lý Vinh Q, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn ký Quyết định số 64/QĐ - UBND về việc thu hồi đất thuộc quyền sử dụng của Công ty 2, giao cho Cục Hải quan Lạng Sơn và Quyết định số 76/QĐ-UBND phê duyệt Phương án đền bù GPMB với nội dung đền bù, hỗ trợ cho Công ty 2 tổng số tiền là 23.760.013.600 đồng. Ngày 19-01-2012, ông Nông Văn V đại diện cho Cục Hải quan Lạng Sơn đã làm thủ tục rút dự toán ngân sách, chuyển vào tài khoản số 1402324655558xx của Công ty 2 mở tại Ngân hàng thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, Chi nhánh Lạng Sơn số tiền 23.760.013.600 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành kiểm tra hiện trạng thực tế số điều hòa, tủ lạnh tại trụ sở 52 L của Cục Hải quan Lạng Sơn và Chi cục Kiểm định Hải quan 6; xác định: Tổng số có 32 điều hòa và 32 tủ lạnh đều được mua sắm, lắp đặt từ năm 2003, đơn vị cung cấp là Trung tâm tin học H và Cửa hàng điện tử Sam Sung T. Kết quả định giá tài sản xác định: 32 chiếc Điều hòa nhãn hiệu National Cu A913 trị giá 67.200.000 đồng, 32 Tủ lạnh nhãn hiệu Sanyo 9R trị giá 28.800.00 đồng; tổng trị giá là **96.000.000 đồng**.

Đối với hạng mục sơn khách sạn (nhà 05 tầng) và văn phòng (nhà 03 tầng): Thực tế có lấn sơn khi thi công xây dựng từ năm 2003, tuy nhiên Tổ công tác chưa tính hạng mục này để bồi thường cho Công ty 2 Lạng Sơn (theo quy định hạng mục lấn sơn tính theo giá trị còn lại của khách sạn 90% nhà làm việc là 85%). Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn; Hội đồng định giá kết luận

giá trị còn lại của hạng mục lán son khách sạn và văn phòng là **262.969.887 đồng**.

Ngày 04-5-2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã ra Quyết định trưng cầu số 421/QĐ-VPCQCSĐT trưng cầu Giám định viên Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn giám định về quy trình, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án trên; hợp đánh giá việc hỗ trợ hạng mục tư vấn thiết kế và sửa chữa nhà văn phòng, khách sạn...; kết quả:

Việc thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với các hạng mục sửa đường điện ngầm, thay đường nước ngầm, son bả ma tít: Không có quy định bắt buộc phải thuê đơn vị có năng lực, điều kiện để kiểm tra (kiểm định) thực tế hiện trạng; không có quy định phải phối hợp với cơ quan đơn vị nào. Là đơn vị chủ trì thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án, việc thẩm định có liên quan đến lĩnh vực chuyên môn của phòng nào thuộc UBND thành phố thì Phòng Tài nguyên và Môi trường đề nghị phối hợp thẩm định. Việc phối hợp thẩm định do cơ quan chủ trì lựa chọn theo hình thức họp lấy ý kiến trực tiếp hoặc bằng văn bản.

Đối với hạng mục lắp đặt điều hòa, tủ lạnh: Căn cứ Khoản 6 Điều 18 Nghị định số 197 ngày 03-12-2004 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất, quy định: “Hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất có thể tháo dỡ và di chuyển được thì chỉ được bồi thường các chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt; mức bồi thường do UBND cấp tỉnh quy định phù hợp với pháp luật hiện hành và thực tế ở địa phương”. Đối chiếu quy định trên, khi thu hồi đất thì Công ty 2 Lạng Sơn chỉ được bồi thường chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt và thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt điều hòa, tủ lạnh; việc Hội đồng bồi thường quyết định đưa vào diện bồi thường đối với hạng mục điều hòa, tủ lạnh là không đúng quy định.

Đối với việc bồi thường người lao động ngừng việc đã thực hiện đúng quy định tại Điều 26 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ quy định về bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất. Quá trình thực hiện có thiếu sót về quy trình thực hiện là chưa có văn bản đề nghị của cơ quan quản lý về lao động theo quy định tại Quyết định số 21/2009/QĐ-UBND ngày 28-12-2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành quy chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn nhưng tuy nhiên không ảnh hưởng đến giá trị bồi thường.

Đối với Hợp đồng thuê văn phòng làm việc và Trung tâm Sát hạch xe mô tô Hạng A1 do Công ty 2 Lạng Sơn cung cấp đã thực hiện đúng quy định tại Điều 32 Nghị định số 197/2004.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L khai nhận: Đối với các hạng mục đường điện ngầm, đường nước ngầm, son nhà, điều hòa, tủ lạnh, khi lập Biên bản thống kê, kiểm đếm khối lượng bồi thường, hỗ trợ, lập Biên bản đánh giá % giá trị còn lại, chỉ quan sát bằng mắt thường và kiểm tra thủ công như bật công tắc điện thấy có điện sáng, vận vòi nước thấy có nước

cháy, thấy có điều hòa, tủ lạnh, thấy phòng làm việc được sơn tường và mặt khác, nguyên nhân chính là do Công ty 2 Lạng Sơn có hành vi gian dối, khi cung cấp các hợp đồng khống khi thực hiện kiểm đếm GPMB và các bị cáo cũng không có kinh nghiệm thực tế nên đã đưa vào biên bản nội dung các hạng mục trên sửa chữa trong năm 2011 tính giá trị 100% theo nguyên giá, để làm cơ sở lập phương án trình Hội đồng bồi thường duyệt phương án bồi thường cho Công ty 2.

Do các bị cáo chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc thống kê, kiểm đếm, đánh giá giá trị % còn lại của các tài sản vật kiến trúc, xây dựng phương án đền bù, giải phóng mặt bằng đối với Dự án 52 L, nên dẫn đến việc Hội đồng bồi thường đã phê duyệt phương án bồi thường cho Công ty 2 một số hạng mục không đúng quy định, gây thất thoát cho Nhà nước tổng số tiền là **1.984.030.113 đồng**, gồm: (1) Sơn nhà khách sạn + Văn phòng trị giá 409.030.113 đồng; (2) Sửa đường điện khách sạn + Văn phòng trị giá 825.000.000 đồng; (3) Thay thế, cải tạo đường nước ngầm khách sạn + Văn phòng trị giá 750.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, ông Nông Văn V thay mặt các bị cáo và thành viên thực hiện công tác bồi thường GPMB tự nguyện nộp 7.838.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

2. Đối với Dự án thu hồi đất tại Bến xe Lạng Sơn số 28A, đường N, phường V, thành phố L (Dự án 28A N)

Ngày 16-4-2014, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định số 68/QĐ-UBND về việc thu hồi 12.075,6m² đất tại Bến xe Lạng Sơn, địa chỉ: Số 28A, đường N, phường V, thành phố L của Công ty 2 để giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn quản lý. Ngày 28-02-2014, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất ban hành Quyết định số 15 thành lập Tổ công tác kiểm kê tài sản đã đầu tư trên đất để bồi thường GPMB. Trong khi Tổ công tác đang tiến hành đo đạc, kiểm đếm nhà cửa, vật kiến trúc; ngày 23-4-2014, Văn phòng UBND tỉnh có Công văn số 934/VP-KTN thông báo ý kiến chỉ đạo của ông Lý Vinh Q, Phó Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao Sở Tài chính thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị tài sản còn lại trên khu đất trình UBND tỉnh quyết định.

Ngày 23-5-2014, UBND tỉnh Lạng Sơn ban hành Quyết định 701/QĐ-UBND về việc thành lập Hội đồng định giá tài sản và Tổ chuyên viên giúp việc để xác định giá trị tài sản còn lại trên khu đất Bến xe. Hội đồng định giá tài sản (Hội đồng số 701) gồm: Bà Ngô Mai H, Phó Giám đốc Sở Tài chính là Chủ tịch Hội đồng và các thành viên là ông Ngô Viết H, Phó Giám đốc Sở TN&MT; ông Lê Văn T, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch & Đầu tư; ông Hoàng Đình T, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải; ông Trương Đức A, Phó Giám đốc Sở Xây dựng; ông Lê Trí T, Phó Chủ tịch UBND thành phố Lạng Sơn. Tổ chuyên viên giúp việc Hội đồng định giá gồm ông Phạm Quang T, Trưởng phòng Quản lý giá và Tài sản - Sở Tài chính là Tổ trưởng; ông Nguyễn Tiến Đ, chuyên viên phòng Quản lý nhà và Bất động sản Sở Xây dựng là Tổ phó và các tổ viên là các ông bà: Nông Văn H, Chuyên viên phòng Quản lý giá và Tài sản Sở Tài chính; Trịnh

Tuấn Đ, Phó Trưởng phòng Kế hoạch, tài chính Sở Giao thông vận tải; Hoàng Quốc V, Chuyên viên phòng Kế hoạch tổng hợp Sở Tài nguyên và Môi trường; Phí Xuân T, Chuyên viên phòng Công Thương Sở Kế hoạch & Đầu tư và Trần Đức L, Chuyên viên phòng Tài chính Kế hoạch thành phố.

Tại Điều 2 Quyết định 701/QĐ-UBND có ghi: Hội đồng định giá tài sản có trách nhiệm xác định giá trị còn lại tài sản đã đầu tư trên đất; kiểm tra hồ sơ pháp lý đầu tư tài sản, cơ sở hạ tầng kỹ thuật trên khu đất; kiểm tra hiện trạng thực tế, kiểm đếm đo đạc xác định lại toàn bộ số lượng tài sản còn lại trên khu đất Bến xe số 28A, đường N.

Quá trình thực hiện, bà Ngô Mai H, Chủ tịch Hội đồng không phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng và Tổ chuyên viên giúp việc; không tổ chức kiểm tra hiện trạng thực tế, không đo đạc, kiểm đếm xác định lại toàn bộ khối lượng tài sản đã đầu tư trên khu đất Bến xe, mà chỉ sử dụng hồ sơ kiểm đếm của Tổ kiểm đếm thuộc Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh (bản phô tô) để làm cơ sở lập hồ sơ đề nghị bồi thường; không chuyển hồ sơ bồi thường, hồ trợ đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh để thẩm định theo quy định. Các thành viên Hội đồng số 701 tham gia họp duyệt phương án bồi thường, đánh giá % giá trị còn lại tài sản khi chưa thực hiện kiểm đếm trên thực tế, mặc dù hồ sơ bồi thường chưa đủ điều kiện pháp lý nhưng cũng không có ý kiến với Chủ tịch Hội đồng về việc phải kiểm đếm thực tế hiện trạng. Vì vậy, không biết hạng mục 1.530m² sân bê tông áp phan do Công ty 2 cung cấp hồ sơ là không.

Quá trình điều tra xác định: 1.530m² sân bê tông áp phan mà Hội đồng số 701 lập phương án bồi thường 556.979.803 đồng theo hồ sơ không, nhưng thực tế có 1.530m² sân bê tông áp phan được rải từ năm 2000 chưa được tính bồi thường.

Ngày 22-8-2023, Cơ quan điều tra đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn định giá đối với 1.530m² sân bê tông áp phan rải từ năm 2000; kết quả: Hội đồng định giá xác định 1.530m² sân bê tông áp phan là hạng mục thuộc loại tài sản cố định hữu hình khác để tính thời gian khấu hao tài sản và định giá trị giá 278.398.996 đồng.

Sau khi nhận Thông báo kết luận định giá tài sản, bà Ngô Mai H có đơn kiến nghị, nội dung: Bến xe có tổng diện tích 9.038,6m² sân bê tông áp phan, (trong đó có 1.530m²) là một khu liên khoảnh, là một thể thống nhất trên cùng một mặt bằng và thực hiện cùng thời điểm năm 2000; Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định 1.530m² sân bê tông áp phan thuộc loại tài sản cố định hữu hình khác để tính thời gian khấu hao tài sản; còn Hội đồng số 701 xác định đó là hạng mục đường bộ, bãi đỗ xe ô tô để tính thời gian khấu hao tài sản; vì vậy, có sự chênh lệch về giá trị tài sản còn lại giữa Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và Hội đồng số 701.

Ngày 19-02-2024, Cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu Giám định viên Sở Tài chính giám định giá trị thiệt hại đối với hạng mục bê tông áp phan

tại Dự án 28A N. Tại Bản kết luận ngày 19-3-2024, Giám định viên Sở Tài chính đã kết luận:

(1) Phương án bồi thường, hỗ trợ cho Công ty 2 do Hội đồng số 701 lập báo cáo, được UBND tỉnh phê duyệt chưa có 1.530m² sân bê tông áp phan (đã rải từ năm 2000) trị giá 278.398.996 đồng. Chênh lệch giá trị giữa hồ sơ không (mới) và giá trị thực tế (cũ) dẫn đến Nhà nước bồi thường thừa cho Công ty 2 (556.979.803 đồng - 278.398.996 đồng) số tiền là 278.580.807 đồng.

(2) Đối với giá trị của 7.508,6m² sân bê tông áp phan, theo kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự là 1.366.265.000 đồng; phương án của Hội đồng số 701 lập báo cáo và đã được UBND tỉnh phê duyệt là 1.062.997.775 đồng; chênh lệch thiếu của Công ty 2 là (1.366.265.000 đồng - 1.062.997.775 đồng) = 303.267.225 đồng.

Chênh lệch giữa kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự và phương án bồi thường do Hội đồng số 701 lập báo cáo và đã được UBND tỉnh duyệt đối với 9.038,6m² sân bê tông áp phan của Bến xe cho Công ty 2 là (303.267.225 đồng - 278.580.807 đồng) = 24.686.418 đồng.

Như vậy, do Hội đồng bồi thường theo Quyết định số 701 không xác định đúng hạng mục sân bê tông áp phan là hạng mục thuộc Bến xe ô tô thuộc loại tài sản cố định hữu hình khác để tính thời gian khấu hao tài sản, mà áp dụng là hạng mục đường bộ, bãi đỗ xe ô tô để tính thời gian khấu hao tài sản khi lập phương án bồi thường đối với 7.508,6m² sân bê tông áp phan cho Công ty 2 là chưa phù hợp.

Căn cứ kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Lạng Sơn và kết luận giám định của Giám định viên Sở Tài chính tỉnh Lạng Sơn đối với hạng mục sân bê tông áp phan của Dự án 28A N, thì Nhà nước không bị thiệt hại; Công ty 2 còn được hưởng thêm số tiền 24.686.418 đồng. Vì vậy, hành vi của các thành viên Hội đồng bồi thường theo Quyết định 701 và Tổ giúp việc không cấu thành tội phạm do số tiền thiệt hại chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Với nội dung nêu trên, Cáo trạng số 111/CT-VKS-P1 ngày 16-10-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã truy tố các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và trình bày: Các bị cáo không có động cơ, mục đích tư lợi; do chưa có kinh nghiệm trong công tác nên dẫn đến sai phạm và đã tác động một số thành viên trong Tổ công tác, Hội đồng bồi thường, thông qua ông Nông Văn V nộp tiền khắc phục hậu quả. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Ý kiến của ông Hoàng Trung T: Ông được lãnh đạo cơ quan phân công với vai trò giúp việc cho tổ công tác bồi thường GPMB thực hiện dự án 52 L.

Ông là người đo đạc, kiểm đếm công trình vật kiến trúc, lên phương án dự kiến bồi thường, rồi chuyển cho Ngô Như L kiểm tra. Ông không phải là thành viên của Tổ lập hồ sơ GPMB, tổ đánh giá % giá trị còn lại, không biết việc Tổ công tác thống nhất bồi thường nguyên giá đối với các hạng mục cải tạo sửa chữa năm 2011, vì vậy khi lập phương án dự kiến bồi thường, ông áp dụng Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 26-8-2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn đối với hạng mục điện nước; ông không bị ép buộc, không được hưởng lợi gì khi thực hiện việc đó. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Hoàng Thanh H, người đại diện hợp pháp của Công ty 2 trình bày: Sau khi Bản án xét xử ông Nguyễn Tuấn A về tội Tham ô tài sản, ông Nguyễn Tuấn A đã nộp 4.394.060.000 đồng tại Cơ quan Thi hành án để bồi thường cho Công ty 2 theo Quyết định của Bản án đã tuyên, nhưng hiện nay Công ty 2 chưa nhận được tiền bồi thường vì số tiền đó có liên quan đến vụ án này. Công ty 2 đồng ý nộp lại Nhà nước số tiền theo phán quyết của Tòa án, số tiền còn lại, đề nghị trả Công ty 2. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của ông Nông Văn V: Sau khi sự việc xảy ra tôi đã đại diện cán bộ thực hiện bồi thường GPMB của Dự án 52 L nộp 7.838.000.000 đồng để khắc phục hậu quả. Nguồn gốc là tiền trên của tôi tích góp, vay mượn và tiền của cán bộ thực hiện bồi thường GPMB Dự án 52 L. Nếu xét thấy số tiền đó không liên quan đến vụ án thì đề nghị Tòa án trả lại cho tôi.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn:

Hành vi vi phạm của các bị cáo được thực hiện khi Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành; thời điểm điều tra, truy tố và xét xử, Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng những quy định của pháp luật có lợi cho các bị cáo để giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV; khoản 3 Điều 7; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L. Áp dụng bổ sung điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Thị P.

Tuyên bố các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Xử phạt mỗi bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật; cấm các bị cáo đảm nhiệm công tác liên quan đến đền bù GPMB và công tác đánh giá giá trị còn lại của tài sản từ 01 năm đến 02 năm và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 89 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Huỷ bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số 19/LPT-VPCQCSĐT ngày 21-4-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 4.394.060.000 đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn; buộc Công ty 2 phải nộp lại Nhà nước số tiền 2.780.530.113 đồng (bao gồm 1.984.030.113 đồng do 03 bị cáo gây thiệt hại và 796.500.000 đồng do ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Văn H gây thiệt hại); số tiền còn lại trả Công ty 2. Trả cho ông Nông Văn V số tiền 7.838.000.000 đồng. Trả Chi cục kiểm định Hải quan 6 Tổng cục Hải Quan 06 chiếc điều hoà.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo Trần Đức L:

Luật sư Phạm Xuân N trình bày: Viện Kiểm sát truy tố bị cáo Trần Đức L là đúng tội. Trong quá trình thực hiện việc bồi thường GPMB đối với Dự án 52 Lê Đại Hành, bị cáo Trần Đức L chỉ tham gia với vai trò là tổ viên của Tổ đánh giá % giá trị còn lại của các hạng mục công trình, vật kiến trúc, tài sản của Công ty 2. Bị cáo Trần Đức L không lập phương án bồi thường nên không thể biết phương án đề nghị bồi thường do Tổ lập hồ sơ GPMB trình Hội đồng đã có hạng mục diện nước được tính theo Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 26-8-2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn là 08% giá trị công trình; với tổng số tiền là 762.908.795 đồng. Do đó, không có căn cứ để buộc bị cáo Trần Đức L phải chịu trách nhiệm về hậu quả tương ứng với số tiền nói trên. Vì vậy, hành vi của bị cáo Trần Đức L gây thiệt hại 1.221.121.318 đồng, thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức phạt tù từ 07 năm đến 12 năm nên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Trần Đức L.

Luật sư Nguyễn Thế T trình bày: Nhất trí với quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công tâm, khách quan.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Do Công ty 2 tinh vi trong việc lập, cung cấp hồ sơ không; các bị cáo tin tưởng vào hồ sơ do Công ty 2 cung cấp, không phát hiện ra đó là hợp đồng không nên dẫn đến sai phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo có cơ hội được sửa sai, để các bị cáo tiếp tục có cơ hội cống hiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, người bào chữa phù hợp với quy định của pháp luật Tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Các bị cáo Vi Thị P và Trần Đức L khiếu nại Kết luận điều tra và Cáo trạng đều đã được thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn giải quyết; kết quả bác khiếu nại.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, có căn cứ xác định: Các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L đều là người có trình độ chuyên môn về lĩnh vực đền bù GPMB. Khi thực hiện nhiệm vụ đền bù GPMB, bị cáo Vi Thị P và Ngô Như L là thành viên của tổ lập hồ sơ bồi thường GPMB và tổ đánh giá % giá trị còn lại, trong đó bị cáo Vi Thị P tham gia với vai trò là tổ trưởng của 02 tổ; bị cáo Trần Đức L là thành viên của tổ đánh giá % giá trị còn lại. Quá trình thực hiện nhiệm vụ, các bị cáo đã thực hiện không hết trách nhiệm của mình, không kiểm tra hiện trạng thực tế hạng mục lãn sơn, đường điện, đường nước; không đối chiếu hiện trạng tài sản với tài liệu là các Hợp đồng do Công ty 2 cung cấp; dẫn đến không phát hiện các hạng mục nói trên được thực hiện từ năm 2003, không phải năm 2011 như hợp đồng do Công ty 2 cung cấp, từ đó dẫn đến việc đánh giá % giá trị còn lại của các hạng mục nói trên không đúng thực tế, không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, cả 03 bị cáo đều được tham dự cuộc họp thông qua phương án bồi thường hỗ trợ, trong đó bị cáo Vi Thị P còn là người lập biểu, bị cáo Ngô Như L là người kiểm tra bảng biểu khối lượng bồi thường, hỗ trợ các hạng mục công trình, nhưng các bị cáo không phát hiện hạng mục điện nước được lập phương án bồi thường 02 lần (theo Quyết định số 12/2011/QĐ-UBND ngày 26-8-2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn và theo Hợp đồng do Công ty 2 cung cấp). Từ việc làm thiếu trách nhiệm của các bị cáo đã dẫn đến Hội đồng bồi thường, bồi thường cho Công ty 2 những hạng mục không đúng theo quy định, gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước tổng số tiền là **1.984.030.113 đồng**. Do đó, hành vi của các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L phạm vào tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng. Vì vậy, Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với các bị cáo về tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo thực hiện vào năm 2011-2012 khi Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành; tại khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 quy định mức hình phạt tù (từ 03 năm đến 12 năm) thấp hơn mức hình phạt quy định tại điểm c khoản 3 Điều 360 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (từ 07 năm đến 12 năm); nhưng định lượng cấu thành cơ bản (giá trị thiệt hại) theo quy định của Bộ luật năm 2015 quy định có lợi hơn cho người phạm tội. Do đó, để đảm bảo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 285 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì cần để làm căn cứ quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại cho lợi ích của Nhà nước. Do vậy, cần phải xử lý các bị cáo nghiêm minh theo đúng quy định của pháp luật nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Để quyết định mức hình phạt phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội do từng bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nguyên

nhân, điều kiện phạm tội, để quyết định mức hình phạt phù hợp đối với từng bị cáo theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Các bị cáo phạm tội với lỗi vô ý, không có động cơ, mục đích tư lợi. Vụ án không có tính chất đồng phạm, các bị cáo thực hiện hành vi độc lập, không có sự bàn bạc, thỏa thuận, thống nhất với nhau; sai phạm của bị cáo này là nguyên nhân, tiền đề dẫn đến sai phạm của bị cáo khác; các bị cáo cùng phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả do hành vi thiếu trách nhiệm của mình gây ra đối với tổng số tiền là **1.984.030.113 đồng**.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng đã truy tố và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của mình; ngoài ra, các bị cáo đều có ý thức khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra, thông qua việc tác động ông Nông Văn V nộp tiền khắc phục hậu quả. Vì vậy, cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Riêng bị cáo Vi Thị P, trong quá trình điều tra đang mang thai nên bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Mặt khác, bị cáo Ngô Như L có bố là ông Ngô Văn P và mẹ là bà Nông Thị H được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Chiến sỹ vẻ vang; bị cáo Trần Đức L có mẹ là bà Đào Thị A được tặng Huy chương vì sự nghiệp xây dựng tổ chức Công Đoàn; bị cáo Ngô Như L và Trần Đức L được Chủ tịch UBND thành phố tặng nhiều Giấy khen do có thành tích trong công tác; bị cáo Vi Thị P hiện nay là mẹ đơn thân nuôi 02 con chưa thành niên, trong đó có 01 con dưới 36 tháng tuổi. Vì vậy, cả 03 bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội. Trong quá trình sinh sống tại địa phương, các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú; trong thời gian tại ngoại vừa qua không có hành vi bỏ trốn hay vi phạm pháp luật.

[9] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt đi chấp hành hình phạt tù thì không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Vì vậy, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đảm bảo tính răn đe, phòng chống tội phạm và thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

[10] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung cấm các bị cáo thực hiện công việc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng trong một thời gian nhất định.

[11] Đối với ông Bùi Văn C, nguyên Phó Chủ tịch UBND thành phố L, Chủ tịch Hội đồng bồi thường và ông Nguyễn Văn H, nguyên Trưởng Ban đền bù giải phóng mặt bằng thành phố L, Phó Chủ tịch Hội đồng bồi thường: Khi ký, tổ chức họp duyệt phương án bồi thường đã căn cứ vào Bảng tính dự toán bồi thường do Ban đền bù GPMB trình lên, không kiểm tra đối chiếu các văn bản pháp luật quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư như Nghị định số 197/NĐ-CP ngày 03-12-2004 của Chính phủ và Quyết định số 21/QĐ-UBND ngày 18-12-2009 của UBND tỉnh Lạng Sơn, nên không phát hiện hạng mục tư vấn cải tạo nội thất văn phòng không có trong quy định được bồi thường và hạng mục điều hòa, tủ lạnh không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ di chuyển. Thực tế Hội đồng đã thông qua phương án bồi thường đối với 37 điều hòa và 32 tủ lạnh và chi phí tư vấn cải tạo nội thất văn phòng theo giá trị Hợp đồng số 56/HĐ-KT ngày 25-4-2011 do Công ty 2 cung cấp; gây thiệt hại cho Nhà nước **796.500.000 đồng** (436.500.000 đồng + 360.000.000 đồng). Do đó, ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Văn H phải chịu trách nhiệm về hành vi thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng, với tổng số tiền là 796.500.000 đồng. Hành vi của ông Bùi Văn C và ông Nguyễn Văn H thuộc trường hợp nghiêm trọng, thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự là 10 năm, đến nay đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự và hết thời hiệu xử lý hành chính.

[12] Đối với thiệt hại do các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L gây ra: Công tác kiểm đếm tài sản đã được Ban đền bù giải phóng mặt bằng giao cho Tổ công tác thực hiện; quá trình thực hiện, thành viên của các tổ công tác không báo cáo khó khăn, vướng mắc nên ông Nguyễn Văn H và ông Bùi Văn C không biết Công ty 2 đã lập khống hồ sơ bồi thường. Công văn số 235/SXD-HTKT&VLXD ngày 05-02-2024 của Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn xác định: Không có quy định về việc phải thuê đơn vị có năng lực, chuyên môn để kiểm tra (kiểm định) thực tế đối với các hạng mục sửa chữa đường điện ngầm, thay thế cải tạo đường nước ngầm và sơn bả ma tít; các hạng mục trên không mang tính đặc thù, riêng biệt trong công trình. Do đó, ông Nguyễn Văn H, ông Bùi Văn C không phải chịu trách nhiệm về những sai phạm do các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L gây ra.

[13] Đối với ông Nguyễn Bá K và bà Dương Thị Thu T: Khi nhận hồ sơ đề nghị thẩm định, ông Nguyễn Bá K giao bà Dương Thị Thu T trực tiếp thẩm định. Bà Dương Thị Thu T đã có sai phạm khi không chuyển hồ sơ, không lấy ý kiến các phòng chuyên môn, không phát hiện được các hạng mục không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ di chuyển gồm 37 điều hòa, 32 tủ lạnh và hạng mục không có trong quy định được bồi thường là tư vấn cải tạo nội thất văn phòng. Do đó, ông Nguyễn Bá K, bà Dương Thị Thu T phải chịu trách nhiệm về số tiền thiệt hại 796.500.000 đồng, tuy nhiên đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự. Căn cứ kết quả giám định về quy trình thực hiện việc thẩm định

và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định ông Nguyễn Bá K, bà Dương Thị Thu T không phải kiểm tra, đối chiếu hiện trạng thực tế tài sản ngoài hiện trường, chỉ thẩm định hồ sơ, nên không có căn cứ để xử lý hình sự về hành vi thẩm định hồ sơ bồi thường đối với việc thống kê, kiểm đếm hạng mục sửa chữa đường điện ngầm, thay thế cải tạo đường nước ngầm và sơn bả ma tít.

[14] Đối với các thành viên của Hội đồng bồi thường và thành phần tham gia họp thông qua phương án bồi thường gồm các ông/bà: Vương Lê H, Nguyễn Văn S, Nguyễn Văn B, Phạm Thị M, Hoàng Trung T, Nông Văn V, Nguyễn Tiến B, Đinh Văn T, Chu Thị Thu L, Lê Thị N: Quá trình điều tra, xác định những người này có tham gia vào Hội đồng bồi thường hoặc tham gia cuộc họp thông qua phương án bồi thường, nhưng không có chuyên môn về lĩnh vực bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, chỉ thực hiện công việc liên quan đến chuyên ngành mình phụ trách nên những người này không phải chịu trách nhiệm hình sự liên quan đến sai phạm của các bị cáo.

[15] Đối với ông/bà Nguyễn Thanh H, Dương Đức T, Nguyễn Tiến B có tham gia vào Tổ đánh giá phân trăm giá trị còn lại của các hạng mục tài sản và vật kiến trúc trên đất, nhưng không có chuyên môn về lĩnh vực bồi thường GPMB, chỉ thực hiện công việc liên quan đến chuyên ngành mình phụ trách nên những người này không phải chịu trách nhiệm hình sự liên quan đến sai phạm của các bị cáo.

[16] Đối với các ông Nguyễn Thê C, Bành Hiến D, Hoàng Trung T , Nông Duy P được ông Nguyễn Văn H phân công hỗ trợ giúp cho Vi Thị P và Ngô Như L trong quá trình thực hiện kiểm đếm, vẽ sơ họa... để kịp tiến độ thực hiện dự án. Xét thấy, những người này không có tên trong Quyết định thành lập Tổ công tác, không có chức danh pháp lý, chỉ là người giúp việc cho Tổ công tác trong việc lập hồ sơ bồi thường, nên hành vi của những người này không cấu thành tội phạm.

[17] Đối với ông Nguyễn Tuấn A, bà Hoàng Thu H đã có hành vi cung cấp hồ sơ khống để Công ty 2 lấy tiền bồi thường, sau đó chiếm đoạt tiền. Hành vi của ông Nguyễn Tuấn A và bà Hoàng Thu H đã bị xét xử về tội Tham ô tài sản (giai đoạn 1) và bản án đã có hiệu lực pháp luật.

[18] Về biện pháp tư pháp: Ngày 21-4-2023, Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa tài khoản số 19/LPT-VPCQCSĐT đối với số tiền **4.394.060.000 đồng** tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn mà ông Nguyễn Tuấn A đã nộp tại Cơ quan thi hành án để bồi thường cho Công ty 2. Xét thấy, trong tổng số 4.394.060.000 đồng nói trên có 2.780.530.113 đồng là giá trị hạng mục do Công ty 2 lập khống để được bồi thường và các bị cáo và các ông bà Bùi Văn C, Nguyễn Văn H Nguyễn Bá K, bà Dương Thị Thu T đã thiếu trách nhiệm trong việc thống kê, kiểm đếm, đánh giá % giá trị còn lại, thẩm định hồ sơ, thông qua phương án bồi thường cho Công ty 2, gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước (trong đó 03 bị cáo gây thiệt hại 1.984.030.113 đồng; ông Bùi Văn C, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Bá K và bà Dương Thị Thu T

gây thiệt hại 796.500.000 đồng). Do đó, buộc Công ty 2 phải nộp lại số tiền **2.780.530.113** đồng, sung ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại, trả Công ty 2.

[19] Về xử lý vật chứng: Đối với tài sản đang gửi giữ tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Lạng Sơn, do không liên quan đến hành vi phạm tội, vì vậy trả Chi cục kiểm định Hải quan 6 toàn bộ số điều hòa đã thu giữ; trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nông Văn V số tiền 7.838.000.000 đồng.

[20] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, đề nghị của người bào chữa, ý kiến, đề nghị nào có căn cứ, phù hợp với nhận định trên thì được Hội đồng xét xử chấp nhận; ý kiến, đề nghị nào không phù hợp với nhận định trên thì không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[21] Về án phí: Do các bị cáo bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, sung Ngân sách Nhà nước.

[22] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009; Nghị quyết số 41/2017/QH 14 ngày 20-6-2017 của Quốc hội khóa XIV; khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 360; Điều 46; Điều 47; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; khoản 1, 2 và 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L. Áp dụng bổ sung điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Vi Thị P.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L phạm tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng.

2. Về hình phạt chính:

2.1. Xử phạt bị cáo Vi Thị P 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24-01-2025.

Giao bị cáo Vi Thị P cho Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2.2 Xử phạt bị cáo Ngô Như L 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24-01-2025.

Giao bị cáo Ngô Như L cho Ủy ban nhân dân phường phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2.3 Xử phạt bị cáo Trần Đức L 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 24-01-2025.

Giao bị cáo Trần Đức L cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L thực hiện công việc liên quan đến công tác bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

4. Về xử lý vật chứng:

4.1. Trả lại cho Chi cục kiểm định Hải Quan 6, Tổng cục Hải quan:

- 01 (một) bộ điều hòa nhiệt độ nhãn hiệu National: Cục lạnh ký hiệu: CS-A913KW (KFR-27G), điện áp 220V, công suất làm lạnh 2.70 kw - 3.10 kw, công suất tiêu thụ 930W - 800W, sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0358432425; Cục nóng ký hiệu: CU-A913KW (KFR-27W), sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0755034701. Máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) bộ điều hòa nhiệt độ nhãn hiệu National: Cục lạnh ký hiệu: CS-A913KW (KFR-27G), điện áp 220V, công suất làm lạnh 2.70 kw - 3.10 kw, công suất tiêu thụ 930W - 800W, sản xuất tháng 9/2003, số hiệu 0358435068; Cục nóng ký hiệu: CU-A913KW (KFR-27W), sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0755034695. Máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) bộ điều hòa nhiệt độ nhãn hiệu National: Cục lạnh ký hiệu: CS-A913KW (KFR-27G), điện áp 220V, công suất làm lạnh 2.70 kw - 3.10 kw,

công suất tiêu thụ 930W - 800W, sản xuất tháng 9/2003, số hiệu 0358435083; Cục nóng ký hiệu: CU-A913KW (KFR-27W), sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0755034698. Máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) bộ điều hòa nhiệt độ nhãn hiệu National: Cục lạnh ký hiệu: CS-A913KW (KFR-27G), điện áp 220V, công suất làm lạnh 2.70 kw - 3.10 kw, công suất tiêu thụ 930W - 800W, sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0358431576; Cục nóng ký hiệu: CU-A913KW (KFR-27W), sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0755035479. Máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) bộ điều hòa nhiệt độ nhãn hiệu National: Cục lạnh ký hiệu: CS-A913KW (KFR-27G), điện áp 220V, công suất làm lạnh 2.70 kw - 3.10 kw, công suất tiêu thụ 930W - 800W, sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0358432440; Cục nóng ký hiệu: CU-A913KW (KFR-27W), sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0755034667. Máy cũ đã qua sử dụng.

- 01 (một) bộ điều hòa nhiệt độ nhãn hiệu National: Cục lạnh ký hiệu: CS-A913KW (KFR-27G), điện áp 220V, công suất làm lạnh 2.70 kw - 3.10 kw, công suất tiêu thụ 930W - 800W, sản xuất tháng 9/2003, số hiệu 0358435091; Cục nóng ký hiệu: CU-A913KW (KFR-27W), sản xuất tháng 7/2003, số hiệu 0755035365. Máy cũ đã qua sử dụng.

4.2. Trả ông Nông Văn V số tiền **7.838.000.000** (bảy tỷ tám trăm ba mươi tám triệu) đồng đã được cơ quan Cảnh sát điều tra nộp vào tài khoản số 3949.0.1054441.00000 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Lạng Sơn ngày 05-11-2024, theo giấy Ủy nhiệm chi lập ngày 20-10-2024.

(Vật chứng trên hiện đang lưu giữ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn có đặc điểm được mô tả theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 14-11-2024).

5. Về biện pháp tư pháp:

Hủy bỏ lệnh phong tỏa tài khoản số 19/LPT-VPCQCSĐT ngày 21-4-2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lạng Sơn đối với số tiền 4.394.060.000 (bốn tỷ ba trăm chín mươi tư triệu) đồng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Lạng Sơn, theo Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 3011/2022/HĐTG/VCBLS ngày 30-11-2022 giữa Cục thi hành án dân sự tỉnh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Lạng Sơn. Truy thu đối với Công ty Cổ phần vận tải ô tô số 2 Lạng Sơn số tiền **2.780.530.113** (hai tỷ bảy trăm tám mươi triệu năm trăm ba mươi nghìn một trăm mười ba) đồng, sung ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại, trả Công ty Cổ phần vận tải ô tô số 2 Lạng Sơn.

6. Về án phí: Các bị cáo Vi Thị P, Ngô Như L và Trần Đức L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

7. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày Bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PC03 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Lạng Sơn;
- Cục THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo; người liên quan;
- Người TGTG khác;
- Tô HCTP, phòng KTNV&THA;
- Lưu: HSVA, Tòa HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Thùy